

Bản án số: 96 /2025/ DS-ST
Ngày: 05 - 5 -2025
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà TRẦN TÚ ANH
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**
2. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà ĐẶNG THỊ THÙY DUNG - Thư ký tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không tham gia.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L1 số: 682/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Tấn L**, sinh ngày 20/12/1988
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Anh **Hồ Tấn X**, sinh ngày 15/10/1994
Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện K, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **Hồ Văn L1**, sinh ngày 01/01/1968

2.2. Anh **Hồ Chí T**, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt anh X, ông L1; vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn ông Lê Tấn L trình bày: Ông Hồ Văn L1 và Bùi Thị C1 là chủ hui tại địa phương và có nhiều dây hui với sự tham gia của nhiều hui viên, từ năm 2015 ông có tham gia chơi hui do vợ chồng ông L1 và bà

C1 làm đầu thảo, trong quá trình tham gia góp hụi giữa ông với vợ chồng ông L1, bà C1 thực hiện tốt việc giao hụi và góp hụi. Đến năm 2021 bà C1 chết giao lại toàn bộ các khoản hụi cho ông L1 quản L1 và thu tiền hụi. Đến 09/2023 ông L1 tuyên bố vỡ hụi mất khả năng T toán các phần hụi do ông góp vào, từ tháng 09/2023 đến nay ông liên tục yêu cầu ông L1 hoàn trả lại các khoản tiền hụi ông đã góp và được ông L1 hứa hẹn nhưng không thực hiện việc chi trả. Đến ngày 14/10/2024 ông L1 tự nguyện viết giấy xác nhận tổng số tiền nợ hụi nợ ông với số tiền 85.000.000 đồng. Ông yêu cầu ông L1 và anh T trả 85.000.000 đồng tiền hụi ngay khi án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu trả lãi chậm trả theo qui định từ ngày 26/11/2024 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện uỷ quyền nguyên đơn yêu cầu ông Hồ Văn L1 có trách nhiệm trả 85.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Rút yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 26/11/2024 đến ngày xét xử và yêu cầu anh Hồ Chí T liên đới trả nợ cùng ông Hồ Văn L1.

- Bị đơn ông Hồ Văn L1 tại bản tự khai, biên bản hòa giải trình bày: Ông thừa nhận có thiếu anh L 85.000.000 đồng. Ông đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông xin bỏ lãi.

Tại phiên toà, ông L1 đồng ý trả cho ông L 85.000.000 đồng nhưng khi nào ông xin được tiền của gia đình sẽ trả.

- Bị đơn anh Hồ Chí T vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng góp hụi theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Bị đơn anh Hồ Chí T dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không L1 do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[1.4] Sự thay đổi, rút 01 phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà, đại diện uỷ quyền nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi và yêu cầu anh Hồ Chí T liên đới cùng ông Hồ Văn L1 trả tiền hụi cho nguyên đơn. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là giấy biên nhận viết tay (bản chính) cũng như việc ông L1 thừa nhận ông L

có tham gia chơi hụi do ông làm đầu thảo, hiện ông còn nợ 85.000.000 đồng tiền hụi, biên nhận là do ông viết và ký tên. Lời thừa nhận của ông L1 là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy có đủ cơ sở xác định giữa ông L và ông L1 có giao dịch hụi và hiện tại ông L1 còn nợ ông L 85.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của ông L là có cơ sở chấp nhận. Đối với việc ông L1 xin trả dần không được ông L đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét các bên có quyền thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

[3]. Án phí: ông L1 phải chịu án phí theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVHU14 ngày 30/12/2016 do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, ông có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn nên được Hội đồng xét xử xét giảm 50% án phí phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn L yêu cầu ông Hồ Chí T liên đới trả 85.000.000 đồng tiền hụi cùng ông Hồ Văn L1 và yêu cầu ông L1 trả tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn L.

Buộc ông Hồ Văn L1 phải trả cho ông Lê Tấn L 85.000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Ông Hồ Văn L1 phải chịu 2.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại ông Lê Tấn L 2.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016280 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông L1 chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm T toán.

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Ông L, ông L1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh T thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

